TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 04/10/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**
2. Ông **Trần Văn Phước.**

Thư ký Tòa án: Ông **Tạ Văn Cung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ M U - sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Phạm Th L và ông Trần V L. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T L - sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Loan: Ông Võ M U - sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Võ M U trình bày và yêu cầu: Ông U xác định trước đây vợ chồng bà L và ông L có nhiều lần mua thiếu thức ăn gia súc của ông Võ M U và bà Nguyễn Thị T L, mỗi lần ông L và bà L mua thiếu thì ông U có ghi vào sổ của bà L rồi đưa cho bà L mang về để bà L nhớ mà trả tiền, đồng thời ông U cũng ghi vào sổ của ông U để theo dõi, lần cuối cùng vợ chồng bà L và ông L mua thiếu là ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch. Vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 âm lịch bà L và ông U tổng kết nợ lại thì bà L và ông L còn thiếu vợ chồng ông U số tiền 30.027.000đ, nên bà L có làm biên nhận nợ và ký tên thể hiện vợ chồng bà L có nợ ông U số tiền 30.027.000đ.

* Bị đơn Phạm Th L và Trần V L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng ông L và bà L vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ M U, buộc ông L và bà L trả cho ông Võ M U và bà Nguyễn Thị T L số tiền 30.027.000đ và lãi suất là 7.229.000đ.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Ông U xác định vợ chồng ông L và bà L mua thiếu thức ăn gia súc nhiều lần của vợ chồng ông U, ngày mua thiếu cuối cùng là ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch, đến ngày 10 tháng 6 năm 2016 âm lịch bà L có viết biên nhận nợ thể hiện vợ chồng bà L có thiếu ông U số tiền 30.027.000đ. Ông U yêu cầu ông L và bà L trả cho ông U và bà Loan số tiền thiếu là 30.027.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch đến ngày 11 tháng 6 năm 2018.

- Bà L và ông L biết được yêu cầu khởi kiện của ông U đối với vợ chồng ông bà, đồng thời biết được tài liệu, chứng cứ mà ông U cung cấp cho Tòa án, nhưng ông L và bà L không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ông Võ M U khởi kiện yêu cầu bà Phạm Th L và ông Trần V L trả tiền mua thức ăn gia súc thiếu vợ chồng ông U, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông U có đơn yêu cầu vắng mặt, ông L và bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ M U:

- Ông U xác định ông L và bà L mua thiếu thức ăn gia súc của vợ chồng ông U và bà Loan trong nhiều lần, lần mua thiếu cuối cùng là ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch với tổng số tiền thiếu là 30.027.000đ, đến ngày 10 tháng 6 năm 2016 bà L có viết biên nhận thể hiện bà L và ông L có thiếu ông U số tiền mua thức ăn gia súc là 30.027.000đ. Để chứng minh cho trình bày của mình, ông U đã cung cấp biên nhận được lập ngày 10 tháng 6 năm 2016 âm lịch. Ông L và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt tại Tòa án, bà L và ông L đã biết được nội dung lời khai của ông U và tài liệu chứng cứ mà ông U đã cung cấp cho Tòa án, nhưng bà L và ông L cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà ông U đã cung cấp cho Tòa án. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Từ việc bà L và ông L không có ý kiến phản đối trình bày, yêu cầu và tài liệu chứng cứ của ông U cung cấp, được xem là ông L và bà L thừa nhận toàn bộ trình bày và yêu cầu của ông Võ M U. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ trình bày và yêu cầu của ông U đối với bà L và ông L.

- Ông U yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch đến ngày 11 tháng 6 năm 2018 trên số tiền 30.027.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 thì ông L và bà L phải trả tiền lãi cho ông U và bà Loan đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán nợ; Lãi suất trong trường hợp này được áp dụng theo Quyết định số: 2868 ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng). Lãi suất được tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2015 âm lịch (Nhằm ngày 08 tháng 10 năm 2015 dương lịch) đến ngày 11 tháng 6 năm 2018 là 02 năm 08 tháng 03 ngày, số tiền lãi mà ông L và bà L phải trả cho ông U và bà Loan là 7.229.000đ.

- Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Võ M U, buộc bà Phạm Th L và ông Trần V L trả cho ông Võ M U và bà Nguyễn Thị T L số tiền 30.027.000đ và tiền lãi là 7.229.000đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án: Ông Võ M U không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ. Ông L và bà L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.863.000đ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 305,428,438 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ M U, buộc bà Phạm Th L và ông Trần V L trả cho ông Võ M U và bà Nguyễn Thị T L số tiền 30.027.000đ và số tiền lãi là 7.229.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*".

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Võ M U được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011742 ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long với số tiền 750.000đ.

- Buộc bà Phạm Th L và ông Trần V L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ với số tiền án phí là 1.863.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết

Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.